

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 158/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 7 - 2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm
Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Chương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hằng N, sinh năm 1994; Nơi cư trú: ấp C, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Tấn L, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: khóm X, phường Y, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Nguyễn Hằng N trình bày tại đơn khởi kiện và được bổ sung tại phiên tòa như sau:*

Về hôn nhân: Năm 2010 chị N và anh L xác lập quan hệ vợ chồng. Năm 2012 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Anh L nhiều lần sử dụng ma túy. Gia đình có khuyên ngăn nhưng anh L không thay đổi. Hai người sống ly thân từ năm 2016 đến nay mà không có liên hệ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị N xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị N và anh L có 01 người con chung tên Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 02/10/2011, đang sống với anh L. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con theo nguyện vọng của con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có.

- *Bị đơn anh Lê Tấn L trình bày:*

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị N trình bày. Chị N yêu cầu ly hôn, anh L thống nhất.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 02/10/2011, đang sống với anh L. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn Lê Tấn Lợi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân:* Năm 2010 chị Nguyễn Hằng N và anh Lê Tấn L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị thống nhất ly hôn. Xét thấy sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh chị là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[3] *Về con chung:* Chị N và anh L có 01 người con chung tên Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 02/10/2011, đang sống với anh L. Khi ly hôn, chị N và anh L đều giành quyền nuôi con. Tuy nhiên, Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu An là nữ, có nguyện vọng sống với chị N. Đồng thời chị N cung cấp Hợp đồng lao động giữa chị với Công ty TNHH Đại Thành Phát Đồng Nai để chứng minh chị đi làm, có thu nhập mỗi tháng 12.520.000 đồng, có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu An cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con,* theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị N và anh L xác định không có.

[6] *Về án phí:* Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tấn L và chị Nguyễn Hằng N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 02/10/2011 cho chị Nguyễn Hằng N trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu An, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Hằng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 03/4/2023 chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003120 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 4, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hoàng Đắc